

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

***Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Gành

Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H H – sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần V L – sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

Chị H và anh L vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định chị và anh L sống chung từ năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do thời gian sống chung chị H và anh L có nhiều mâu

thuần, nên ly thân từ khi chị H chưa sinh con cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm vợ chồng với anh L, nên yêu cầu ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Trần M Kh, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2019. Từ khi sinh ra đến nay cháu Kh được chị H trực tiếp nuôi, có cuộc sống chung ổn định với chị H và cháu Kh dưới 36 tháng tuổi, nên chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Anh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Anh L không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị H.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Trần Vũ Luân chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H Hôn anh Trần V L;

+ Về con: Giao cháu Trần M Kh, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi.

+ Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị H phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị H yêu cầu ly hôn anh L, anh L có nơi cư trú tại xã X, huyện H; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị H xác định anh và anh L tự nguyện sống chung từ năm 2019 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân X, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã không sống chung từ khi chị H chưa sinh cháu Kh, hiện tại chị H và anh L không còn tình cảm với nhau, nên chị H yêu cầu ly hôn anh L.

- Về phía anh L: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập họp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, anh L đã biết được yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của chị H tại Tòa án đối với anh, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh L đối với ý kiến trình bày và yêu cầu của chị H. Điều này chứng tỏ anh L đã không còn yêu thương chị H, không mong muốn cuộc sống chung với chị H và đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh và chị H, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị H.

- Từ việc chị H trình bày về thời gian chị và anh L không sống chung hơn 2 năm, đến việc trong thời gian dài này chị và anh L không tới lui thăm nom nhau, còn anh L thì được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án, cho thấy hôn nhân của chị H và anh L đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh L.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị H và anh L có 01 con chung tên Trần M Kh, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2019, chị H có yêu cầu nuôi con khi ly hôn, anh L không tranh chấp nuôi con với chị H. Xét thấy cháu Kh đang có cuộc sống chung ổn định bên chị H và cháu Kh hiện tại dưới 36 tháng tuổi, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Kh cho chị H trực tiếp nuôi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị H xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung; Anh L không có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị H H chịu án phí số tiền 300.000đ, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh Trần V L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H H được ly hôn anh Trần V L.
2. Về con chung:
 - Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao cháu Trần M Kh, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.
 - Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:
 - Buộc chị Trần Thị H H phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005004 ngày 08 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.
 - Anh Trần V L không phải chịu án phí.
5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.
6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang